

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **258/2019/HNGĐ-ST**;
Ngày: 21/5/2019.
V/v “*Xin ly hôn*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Loan**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Châu Vũ Bình**;

2. Ông **Võ Văn Chiến**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 52/2019/QĐST-DS ngày 18/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **LÊ THỊ N** - sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* **TRẦN VĂN T** - sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

Chị và anh Trần Văn T cưới nhau năm 2004, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chị vẫn cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân đến tháng 10/2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, anh T đi làm thì xài tiền riêng không phụ chị lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con tên Trần Hoàng A, sinh ngày 01/01/2005 và Trần Hoàng P, sinh ngày 13/01/2008, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do anh T phải đi làm xa kiếm tiền nên vợ chồng mâu thuẫn. Nay anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 2 con như chị N trình bày. Trong trường hợp ly hôn thì anh đồng ý để chị N nuôi hai con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, chị N yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi hai con chung tên Trần Hoàng A sinh ngày 01/01/2005 và Trần Hoàng P sinh ngày 13/01/2008 của chị N là có cơ sở chấp nhận. Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của nguyên đơn:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án : Chị Lê Thị N và anh Trần Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

Bị đơn anh Trần Văn T hiện cư trú ấp T, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T do quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, anh T đi làm thì xài tiền riêng không phụ chi lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Anh T trình bày do anh đi làm xa nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. Chị N và anh T có thời gian mâu thuẫn kéo dài, anh chị đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T là có thật và không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Chị N và anh T thống nhất có 02 con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 01/01/2005 và Trần Hoàng P, sinh ngày 13/01/2008 hiện đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung. Anh T trình bày trong trường hợp Tòa cho ly hôn thì anh đồng ý để chị N nuôi con, anh không cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A và P hiện đang sống với chị N, đã ổn định về mặt tâm lý và điều kiện sinh hoạt, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Phía anh T cũng đồng ý để chị N nuôi hai con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu A và P cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: chị N và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình.
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N.

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần Văn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 01/01/2005 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 13/01/2008 cho chị Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ân và cháu Phúc đủ 18 tuổi, lao động được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015565 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Nông sở;
- Lầu hoà sô, án văn.

Võ Thị Kim Loan